| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN L**<br>**TỈNH ĐỒNG THÁP** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 23/2025/HNGĐ-ST<br>Ngày: 11/4/2025<br>V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Bùi Thị Kim Xuyến

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Phượng;

2. Ông Huỳnh Trung Tính.

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Huỳnh Thị Diễm Quỳnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Trong các ngày 04/4/2025 và ngày 11/4/2025, tại Phòng xử án Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp xét xử công khai vụ án sơ thẩm thụ lý số: 49/2025/TLST-HNGĐ ngày 19/02/2025 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/3/2025, giữa:

***1. Nguyên đơn:*** Chị Trần Thị Mai L, sinh năm 1988.

Địa chỉ cư trú: Số E, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

***2. Bị đơn:*** Anh Nguyễn Hữu H, sinh năm 1984.

Địa chỉ cư trú: Số C, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên hệ: Công ty TNHH D (Việt Nam); Đường số F, khu chế xuất T, quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

Có mặt: Chị L, anh H (vắng mặt khi tuyên án)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 19/02/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Mai L trình bày:*

Về hôn nhân: Chị Trần Thị Mai L và ông Nguyễn Hữu H đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (viết tắt UBND xã Đ) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 181/2013 ngày 20/11/2013. Sau khi kết hôn, chị L và anh H sang Malaysia làm việc. Đến tháng 6/2015, chị L về Việt Nam do mang thai con thứ nhất tên Nguyễn Thị Yến V, anh H tiếp tục ở Malaysia làm việc. Đến

tháng 9/2017, khi Yến V 02 tuổi thì anh H về Việt Nam sinh sống cùng chị L. Đến tháng 9/2018, anh H đi thành phố Hồ Chí Minh làm việc, thì chị L đưa con về bên ngoại (ở An Giang) sinh sống cho đến nay. Anh H đi làm xa, không quan tâm gia đình, chị L phải tự đi làm, nuôi con. Chị L đã nhiều lần mong muốn anh H sắp xếp để hai vợ chồng sống chung, chị L cũng muốn cùng anh H làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh nhưng anh H không đồng ý. Sau khi sinh con thứ hai tên Nguyễn Hoàng K được 03 tháng thì chị L bị té xe dẫn đến gãy chân, nhưng anh H không về lo cho gia đình. Cho nên, giữa hai vợ chồng sống chung xa cách từ lâu, ít gặp nhau, không quan tâm đời sống của nhau, nay tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Chị L và anh H có 02 con chung tên Nguyễn Thị Y Vy 15/9/2015 và Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 20/9/2021. Hiện nay, Yến V và Hoàng K đang sống chung với chị L.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Nay chị Trần Thị Mai L yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị Mai L yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hữu H.

- Về nuôi con chung: Chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung và yêu cầu anh H cấp dưỡng 4.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Hữu H trình bày:*

Anh Nguyễn Hữu H thống nhất với lời trình bày của chị Trần Thị Mai L về thời gian kết hôn, đăng ký kết hôn, thời gian chung sống hạnh phúc, thông tin và tình trạng hiện tại của con chung của vợ chồng. Về vấn đề mâu thuẫn do anh H đi làm xa, tuy nhiên anh H cho rằng do yêu cầu công việc nên không thể thường xuyên nghỉ phép, nhưng hàng tháng cũng có về thăm gia đình. Anh H thừa nhận trước nay chưa quan tâm gia đình, nay anh H đề nghị chị L không ly hôn, anh H sẽ xin nghỉ việc để về sinh sống cùng vợ và các con. Anh H vẫn còn tình cảm với chị L, muốn cùng nhau hàn gắn mối quan hệ hôn nhân.

Đối với yêu cầu khởi kiện của chị L, anh H có ý kiến:

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu H không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Trần Thị Mai L.

- Về nuôi con chung: Đồng ý giao 02 con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng 4.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Chị Trần Thị Mai L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hữu H cho nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự xác định tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và quan hệ pháp luật là: Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn Nguyễn Hữu H đăng ký thường trú tại địa chỉ: Số C, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân:

Năm 2013, chị L và anh H kết hôn và được UBND xã Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 181/2013 ngày 20/11/2013, là vợ chồng hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, chị L cho rằng hôn nhân đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với anh H. Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về mâu thuẫn:

Xét thấy, giữa chị L và anh H đã có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, chị L thì mong muốn gia đình cùng sống chung, cùng làm ăn, nuôi dạy con, anh H thì cho rằng ở quê không tìm được việc làm tốt nên phải đi làm ở xa. Cụ thể, trong 12 năm hôn nhân (từ năm 2013 đến nay), vợ chồng chị L và anh H chỉ sống chung liên tục khoảng hơn 02 năm (sống chung tại Malaysia từ năm 2013 đến tháng 6/2015, tháng 9/2017 anh H về Việt Nam sống chung với chị L, đến tháng 9/2018 thì anh H đi thành phố Hồ Chí Minh sống và làm việc đến nay), còn lại chị L sống cùng các con ở nhà mẹ ruột tại tỉnh An Giang. Mặc dù, hàng tháng anh H có về thăm gia đình nhưng phần lớn thời gian là tập trung tổ chức ăn uống cùng họ hàng, không có nhiều thời gian cho vợ con. Ngoài ra, sau khi sinh con thứ hai tên Nguyễn Hoàng K được 03 tháng thì chị L bị té xe dẫn đến gãy chân, nhưng anh H không về lo cho gia đình, vẫn chỉ tập trung làm ở thành phố Hồ Chí Minh, chị L phải nhờ nhà mẹ ruột và tự chăm lo cho con trong thời gian khó khăn này.

Chính vì không cân đối được công việc và cuộc sống gia đình cho nên anh H không thể trực tiếp quan tâm, yêu thương, chăm sóc gia đình. Trong khoảng thời gian rất dài, chị L đã phải tự lập, tự  chăm lo các con nên về dần không còn tình cảm, không còn cần sự quan tâm của anh H nên chị L yêu cầu được ly hôn.

Như vậy, hôn nhân của chị L và anh H đã không đảm bảo được tình nghĩa vợ chồng, mục đích hôn nhân theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 (viết tắt Luật HNGĐ) quy định: "*1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.*"

- Về khả năng hàn gắn: Xét thấy, chị L và anh H đều biết mâu thuẫn duy nhất trong hôn nhân của mình là đời sống vợ chồng xa cách dẫn đến rạn nứt tình cảm. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành đã phân tích, hòa giải, động viên để chị L và anh H hàn gắn tình cảm, đoàn tụ nhưng chị L vẫn cương quyết xin ly hôn. Đối với anh H cho rằng còn tình cảm với chị L nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, trong thời gian dài phát sinh mâu thuẫn, mặc dù chị L đã nhiều lần nêu ra mong muốn nhưng anh H không sắp công việc để dành nhiều thời gian cho gia đình hoặc sắp xếp để chị L và các con cùng sống, làm việc, học tập tại nơi anh H làm việc. Anh H có trình bày nhiều lần muốn xin nghỉ việc về quê làm ăn, sinh sống cùng chị L nhưng đến nay anh H không thực hiện, mà vẫn tiếp tục làm việc ở Thành phố Hồ Chí Minh, duy trì tình trạng đời sống vợ chồng xa cách. Cho nên, rõ ràng hiện nay, giữa chị L và anh H không giải quyết được mâu thuẫn, không có khả năng hàn gắn tình cảm.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân của chị L và anh H đã phát sinh mâu thuẫn trong thời gian dài và thực sự trầm trọng, không còn giữ được tình nghĩa vợ chồng, không có khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không thể đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Mai L đối với anh Nguyễn Hữu H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật HNGĐ.

[2.2] Về con chung:

Chị L và anh H có 02 con chung tên Nguyễn Thị Y Vy 15/9/2015 và Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 20/9/2021. Hiện nay, cháu Yến V và Hoàng K đều đang sống chung với chị L. Tại phiên hòa giải ngày 20/3/2025, chị L và anh H thỏa thuận giao 02 con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và anh H đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con chung là 4.000.000 đồng/tháng (2.000.000 đồng/01 tháng/01 con chung, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi). Tại phiên tòa sơ thẩm, chị L và anh H giữ nguyên ý kiến thỏa thuận này. Hội đồng xét xử xét thấy, sự thỏa thuận của chị L và anh H về việc nuôi con khi ly hôn là phù hợp với quy định pháp luật và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung, do đó Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này theo quy định tại Điều 81 Luật HNGĐ.

Sau khi ly hôn, chị L cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở, hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị L theo quy định tại Điều 82, 83 Luật HNGĐ.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh H không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là đảm bảo quyền tự quyết và định đoạt của đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về án phí:

Chị Trần Thị Mai L phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Do chị L và anh H đã thỏa thuận được việc cấp dưỡng tại phiên hòa giải, nên anh Nguyễn Hữu H phải chịu 50% án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng là 150.000 đồng theo quy định điểm b, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị L và anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tuyên án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm b, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Mai L.

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Mai L được ly hôn với anh Nguyễn Hữu H.

Quan hệ hôn nhân theo Giấy chứng nhận kết hôn số 181/2013 ngày 20/11/2013 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Trần Thị Mai L và anh Nguyễn Hữu H:

Chị Trần Thị Mai L được trực tiếp nuôi 02 con chung tên Nguyễn Thị Yến V, sinh ngày 15/9/2015 và Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 20/9/2021.

Anh Nguyễn Hữu H cấp dưỡng nuôi 02 con chung với số tiền: 2.000.000 đồng/tháng/01 con chung, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, kể từ ngày 11/4/2025.

Sau khi ly hôn, người trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Người không trực tiếp nuôi con chung không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở, hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm:

Chị Trần Thị Mai L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005508 ngày 19/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Nguyễn Hữu H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng là 150.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Mai L và anh Nguyễn Hữu H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

6. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã Đ, h. L, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT (kx).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thị Kim Xuyến**